



Nâng cao tính cạnh tranh của môi trường đầu tư để tăng cường thu hút vốn FDI

GS. TS. VÕ THANH THU

Kinh tế VN một năm qua

Năm 2002 đã kết thúc, đánh giá vài nét về thành tựu và khó khăn trong phát triển kinh tế cho phép ta có thể nhận định rõ hơn về thực trạng hoạt động đầu tư nước ngoài ở VN.

1. Những thành tựu đáng phần khởi:

Năm 2002, trong bối cảnh kinh tế khu vực và thế giới gặp khó khăn, nhưng nền kinh tế của VN vẫn tiếp tục phát triển với những số liệu đầy thuyết phục:

- Tốc độ tăng trưởng GDP ước đạt 6,9 – 7%;
- Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 14,2%;
- Tốc độ gia tăng giá trị nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5%;
- Tốc độ tăng giá trị khu vực dịch vụ 6,7%;
- Kim ngạch xuất khẩu đạt 16,5 tỷ USD, tăng 9,3%;
- Kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 19,3 tỷ USD tăng 19,4% so với năm 2001;
- Tổng thu ngân sách nhà nước so với dự toán tăng 6,5%;
- Vốn đầu tư xã hội so với GDP là

34% so với dự toán là 32%;

- Tổng mức giá trị bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt trên 268 nghìn tỷ đồng, tăng 12,7%;

- Du lịch quốc tế và nội địa đều tăng. Riêng du khách quốc tế đến VN khoảng 2,6 triệu người, tăng 10,3% so với năm 2001 (trong khi đó ở nhiều nước trong khu vực, khách du lịch bị giảm sút về số lượng); kim ngạch ngoại tệ từ dịch vụ du lịch đạt 1,2 – 1,3 tỷ USD; giải quyết việc làm cho người lao động trong năm 2002 là 1,4 triệu người.

- Các thành phần kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực:

- + Năm 2002, cổ phần hoá thêm trên 80 doanh nghiệp nhà nước; giao, bán 19 doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi thành công một số các tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con;

- + Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã được củng cố một bước: Năm 2002, khu vực kinh tế tập thể đóng góp khoảng 8,5% GDP;

- + Kinh tế tư nhân: Từ khi thực hiện Luật doanh nghiệp năm 2000

đến hết năm 2002, đã có trên 49.000 doanh nghiệp được thành lập mới với tổng số vốn đăng ký trên 75.000 tỷ đồng. Riêng năm 2002, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 38,8% GDP và có xu hướng ngày càng tăng;

- + Khu vực có vốn đầu tư FDI: Tốc độ tăng trưởng khá năm 2002, đóng góp gần 13,4% GDP.

Tóm lại, năm 2002 nền kinh tế VN có mức phát triển cao, toàn diện ở các ngành, các khu vực.

2. Những khó khăn, thách thức:

Bên cạnh những thành tựu, thì năm 2002 nền kinh tế VN vẫn có những biểu hiện yếu kém trong tiến trình hội nhập:

- Hiệu quả phát triển thấp:
- + Chi phí kinh doanh sản xuất và dịch vụ ở các ngành cao làm cho khả năng cạnh tranh thấp (giá thành của các sản phẩm và dịch vụ chủ lực cao hơn so với sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực từ 20 – 30%).

- + Hiệu quả đầu tư thấp:
- Năm 2002: 1 đồng vốn đầu tư toàn xã hội chỉ tăng thêm được 0,32 đồng;

- Các dự án đầu tư dở dang còn quá lớn, nhất là từ nguồn ngân sách nhà nước, giá trị của các dự án dở dang chiếm khoảng 2/3 vốn đầu tư;

- Giải ngân nguồn vốn ODA chậm, hiệu quả sử dụng nguồn vốn này thấp.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm.

- Tốc độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm.

- Sự phát triển về kinh tế giữa các vùng đất nước còn quá chênh lệch cũng tác động xấu đến sự phát triển.

Hoạt động đầu tư FDI trong năm 2002

1. Những nét chung

- Tình hình thu hút vốn đầu tư FDI:

Tính đến hết ngày 24.12.2002, chúng ta có 3.669 dự án đang hiệu lực với tổng số vốn đăng ký là 39 tỷ USD, trong đó, có gần 2.000 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn đăng ký 24 tỷ USD; có 949 dự án đang triển khai với tổng số vốn đăng ký 7,7 tỷ USD; và hơn 700 dự án chưa triển khai do nhiều nguyên nhân. Năm 2002 có 694 dự án được cấp giấy phép với vốn đăng ký khoảng 1,38 tỷ USD. Như vậy, năm 2002 số dự án cấp giấy phép tăng 39,7% so với năm 2001, nhưng giảm về số vốn đăng ký cấp mới (giảm 45,6%).

Năm 2002, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đạt 4,5 tỷ USD, chiếm 27% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước và tốc độ gia tăng kim ngạch xuất khẩu của khu vực này là 23% so với năm 2001 (kim ngạch xuất khẩu bình quân của cả nước tăng 12,6%). Đặc biệt, nhiều doanh nghiệp FDI mở rộng xuất khẩu sang thị trường mới với nhiều mặt hàng xuất khẩu mới (chi tiết xem thêm bảng bên).

- Tình hình đầu tư ra nước ngoài:

Trong năm 2002, có 11 dự án đầu tư ra nước ngoài đã được cấp giấy phép, với tổng vốn đầu tư là 138,6 triệu USD, tăng đột biến so với năm 2001 (năm 2001 có 13 dự án với 6 triệu USD vốn đăng ký).

Các dự án đầu tư ra nước ngoài năm 2002 tập trung vào lĩnh vực dầu khí: đầu tư 1 dự án thăm dò và khai

thác dầu ở Iraq 100 triệu USD và 1 dự án khác ở Algieri 21 triệu USD; riêng đầu tư vào Hoa Kỳ có 3 dự án; Campuchia 2 dự án; ngoài ra, số dự án còn lại đầu tư vào Nga, Singapore, Lào và Hồng Kông.

2. Những tồn tại trong hoạt động thu hút vốn FDI

Trong bối cảnh kinh tế đất nước phát triển nhanh thì hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài vẫn còn những điểm yếu kém:

- Tốc độ thu hút vốn đầu tư FDI không đạt được kế hoạch dự kiến và thấp so với các nước trong khu vực, đặc biệt so với Trung Quốc (năm 2002 ở Trung Quốc, tốc độ thu hút vốn FDI tăng 20% so với năm 2001).

- Số dự án được cấp giấy phép tạm dừng hoặc chưa triển khai và các dự án không có khả năng triển khai còn chiếm đến 23% tổng dự án đầu tư và gần 20% tổng vốn đăng ký.

- Nhiều nhà đầu tư nước ngoài chưa thực sự yên tâm và tin tưởng vào môi trường đầu tư của VN vì một số cơ chế chính sách thay đổi không có lợi cho các nhà đầu tư, trong đó có chính sách thuế.

- Môi trường đầu tư của VN được cải thiện đáng kể, nhưng tính cạnh tranh vẫn thấp hơn so với các nước trong khu vực: chi phí dịch vụ còn cao; vẫn tồn tại cơ chế hai giá; hạ tầng cơ

sở chậm cải thiện; chất lượng nguồn nhân lực chưa cao; một vài loại thuế vẫn cao hơn ở các nước.

Nâng cao tính cạnh tranh của môi trường đầu tư

1. Cơ sở đề xuất các giải pháp

a. Những yếu tố thuận lợi:

- Các nước ASEAN – 6 đã thực hiện xong Chương trình cắt giảm thuế nhập khẩu đối với đa số các mặt hàng, nếu VN tăng nhanh hơn tốc độ hội nhập, thì môi trường kinh doanh rộng hơn sẽ tạo sức hấp dẫn cao hơn với các nhà đầu tư.

- Các nội dung của Hiệp định thương mại Việt - Mỹ đang được thực thi theo đúng lộ trình tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng hơn, thông thoáng hơn cho các nhà đầu tư Mỹ nói riêng và các nhà đầu tư nước ngoài nói chung.

- Môi trường chính trị ổn định, tính an ninh, an toàn xã hội của VN cao hơn các nước trong khu vực cũng là yếu tố quan trọng tạo tính hấp dẫn của môi trường đầu tư.

- Cải cách toàn diện nền kinh tế mà VN đang tiến hành như: hệ thống pháp lý; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; cải cách bộ máy quản lý nhà nước và thủ tục hành chính... tạo tiền đề quan trọng để thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Bảng 1: Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2002 (*)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2001	2002	So sánh 2002/2001
I	Vốn thực hiện:				
1	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD	2.300,0	2.345,0	101,96%
2	Doanh thu	Triệu USD	8.200,0	9.000,0	109,76%
3	Xuất khẩu	Triệu USD	3.673,0	4.500,0	122,52%
4	Nhập khẩu	Triệu USD	4.984,0	6.500,0	130,42%
5	Nộp ngân sách	Triệu USD	373,0	459,0	123,06%
6	Số lao động cuối kỳ báo cáo	ngàn người	439,0	472,0	107,52%
II	Cấp mới và tăng vốn				
1	Số dự án cấp mới	Dự án	523,0	694,0	132,70%
2	Vốn đăng ký cấp mới	Triệu USD	2.535,5	1.379,2	54,40%
3	Số lượt dự án	Lượt dự án	227,0	305,0	134,36%
4	Vốn tăng thêm	Triệu USD	607,7	918,7	151,18%

(*) Bảng này tính cả các dự án kinh doanh hạ tầng và các dự án trong khu công nghiệp và khu chế xuất.

Nguồn: Vụ quản lý dự án đầu tư FDI – Bộ kế hoạch đầu tư, 24.12.2002

b. Những yếu tố không thuận lợi:

- Môi trường đầu tư của các nước trong khu vực, đặc biệt là Trung Quốc, được cải thiện nhanh hơn, mang tính hội nhập hơn, khiến cho tính cạnh tranh của môi trường đầu tư của VN so với đối thủ cạnh tranh bị hạn chế.

- Nhiều khu vực có nguồn đầu tư quốc tế lớn gặp khó khăn: Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU đều diễn ra sự trì trệ kinh tế, cuối năm 2002 đồng đô la Mỹ giảm giá làm cho dòng đầu tư FDI bị suy giảm nói chung.

- Việc chậm thực hiện Chương trình cắt giảm thuế nhập khẩu (CEPT) so với các nước ASEAN - 6 và chậm gia nhập WTO so với Trung Quốc cũng là nhân tố giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư của VN.

- Tiến trình bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp lý tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường diễn ra còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển và hội nhập.

2. Những giải pháp

Nâng cao khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư, theo chúng tôi đây là những giải pháp mang tính chiến lược nhất vì sự hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế diễn ra nhanh chóng, những rào cản về thương mại như: thuế nhập khẩu, hạn ngạch, giấy phép, các biện pháp kỹ thuật trong ngoại thương... được dỡ bỏ, cho nên môi trường đầu tư nước nào hấp dẫn thì cuốn hút các nhà đầu tư đến bỏ vốn và bằng con đường thương mại thuận lợi mà họ mở rộng địa bàn kinh doanh ở các nước lân cận (trước tiến trình hội nhập, sự đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện phân tán ở các nước khác nhau trong cùng một khu vực để né tránh hàng rào bảo hộ mậu dịch cao ở từng nước).

Với nhóm giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư, theo chúng tôi thì Nhà nước tiến hành cải thiện và hoàn thiện môi trường đầu tư chưa đủ, mà còn tạo được môi trường đầu tư mang tính hấp dẫn hơn so với các nước trong khu vực, có như vậy mới khai thông dòng chảy của các nguồn vốn FDI vào nước mình.

Để nâng cao khả năng cạnh

tranh của môi trường đầu tư, theo chúng tôi cần quan tâm chú ý các biện pháp:

- Cải tiến phương pháp xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật ở Quốc hội vì cách làm như hiện nay rất chậm so với yêu cầu cần sớm tạo ra hành lang pháp lý đầy đủ, chuẩn mực, mang tính hội nhập để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước hoạt động.

- Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng trên phạm vi cả nước và có quy hoạch chi tiết ở từng vùng kinh tế. Việc này giúp xây dựng chiến lược đầu tư phát triển; phương án vay vốn ODA; phương án huy động vốn từ các nguồn để phát triển cơ sở hạ tầng.

- Cải tiến nhanh hệ thống thuế theo hướng hội nhập, ổn định, có khả năng đáp ứng nguồn thu ngân sách nhưng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển.

- Thực thi các cam kết theo đúng lộ trình của Hiệp định thương mại Việt - Mỹ vì kết quả của nó là tạo ra môi trường đầu tư bình đẳng, thông thoáng.

- Xây dựng cơ chế chính sách cho thuê đất đối với các nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở Nguyên tắc đối xử quốc gia trong hoạt động đầu tư (Nguyên tắc đối xử quốc gia: NT - National Treatment, là nguyên tắc được đề cập đến trong Hiệp định

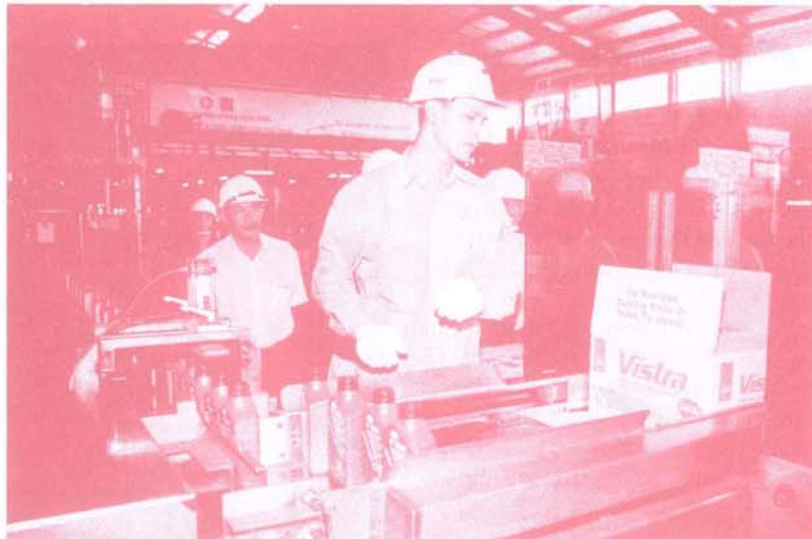
thương mại Việt - Mỹ được hiểu là các nhà đầu tư trong nước được hưởng quyền lợi và nghĩa vụ gì trong hoạt động đầu tư thì các nhà đầu tư có vốn nước ngoài cũng được hưởng quyền lợi và nghĩa vụ tương tự).

- Đẩy nhanh tốc độ đàm phán để sớm gia nhập WTO nhằm tạo ra thị trường kinh doanh xuất nhập khẩu thuận lợi cho các nhà đầu tư có vốn trong nước và nước ngoài (chẳng hạn năm 2005, các nước thành viên WTO sẽ xóa bỏ hạn ngạch dệt may cho nhau, cho nên nếu chưa gia nhập được WTO thì rõ ràng các nhà đầu tư dệt may ở VN sẽ gặp khó khăn lớn trong xuất khẩu).

- Thực hiện tốt lộ trình CEPT của AFTA và có thể rút ngắn hơn lộ trình này ở những mặt hàng có điều kiện vì như vậy, một số doanh nghiệp sẽ có điều kiện cạnh tranh tốt hơn vì được mua nguyên liệu với giá rẻ và có thị trường xuất khẩu thuận lợi hơn sang các nước trong khu vực.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bao gồm cán bộ quản lý, chuyên gia và công nhân cũng là nhân tố quan trọng nâng cao khả năng của môi trường đầu tư VN.

Tóm lại, hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ mang tính khách quan, tính cạnh tranh của môi trường đầu tư là nhân tố quyết định khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước ■



Ảnh Diệp Đức Minh